

**THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2025**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/201/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4812/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 như sau:

I. Nội dung, hình thức công khai

Công khai thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý 1/2025 theo biểu 3-Ban hành theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính.

Thời điểm công khai ngày 11/04/2025

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

1. Chi ngân sách nhà nước

a) Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí giao đầu năm 2025: 13.177.756.000 đồng
- Kinh phí tự chủ giảm trong năm: 0 đồng
- Tổng kinh phí được tự chủ sử dụng trong năm: 13.177.756.000 đồng
- Tổng kinh phí đã sử dụng trong quý 1/2025: 2.263.303.842 đồng đạt 11% so với dự toán, giảm 3% so với cùng kỳ quý 1/2024.

b) Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ

- Kinh phí giao đầu năm 2025: 8.646.244.000 đồng
- Kinh phí tự chủ giảm trong năm: 0 đồng
- Kinh phí bổ sung : 0 đồng
- Tổng kinh phí được tự chủ sử dụng trong năm: 8.646.244.000 đồng
- Tổng kinh phí đã sử dụng trong quý 1/2025: 0 đồng

2. Chi từ nguồn thu sự nghiệp

- a) **Kinh phí thường xuyên:** 3.841.252.403 đồng đạt 25% so với dự toán năm 2025, tăng 23% so với quý 1 cùng kỳ năm trước.
- b) **Kinh phí không thường xuyên:** 0 đồng

III. Đánh giá

Chi ngân sách đảm bảo theo dự toán, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường, đồng thời đảm bảo các khoản chế độ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Việc điều hành chi bám sát nhiệm vụ theo dự toán đã được giao.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1/2025 của trường Tiểu học Trần Hưng Đạo./



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Hương

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 1 NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức
được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, Quận 1 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1/2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, nguồn khác				
I	SỐ THU	-	-	-	-
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-
2	Số thu từ nguồn thu khác	14.167	4.651	33%	103%
	Thiết bị vật dụng bán trú	242	0,2		
	Tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú	3.815	1.305,5		
	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	358	109,5		
	Tiền tổ chức dạy Tin học tự chọn	106	32,8		
	Tiền tổ chức dạy Tin học tăng cường	152	47,0		
	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	487	150,7		
	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	495	159,9		
	Câu lạc Bộ	2.116	743,7		
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	2.120	643,5		
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	248	77,1		
	Tiếng Anh tích hợp	1.380	-		
	Tổ chức học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	1.823	1.112,5		
	Tin học quốc tế	816	268,5		
	Lãi Ngân hàng	8			
II	SỐ CHI	13.882	3.481	25%	123%
1	Số chi phí, lệ phí				
2	Số chi từ nguồn thu khác	13.882	3.481	25%	123%
	Thiết bị vật dụng bán trú	224	-		
	Tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú	3.526	1.299,7		
	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	331	59,6		
	Tiền tổ chức dạy Tin học tự chọn	98	11,4		
	Tiền tổ chức dạy Tin học tăng cường	140	6,5		
	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	451	103,4		
	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	458	127,2		
	Câu lạc Bộ	1.956	530,9		
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	1.960	408,6		
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	230	45,7		
	Tiếng Anh tích hợp	1.276	12,0		
	Tổ chức học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	1.685	748,4		
	Tin học quốc tế	755	127,9		
	Lãi Ngân hàng				
	Trích lập 40% CCTL cuối năm	317			
	Trích lập các quỹ	476			
III	SỐ NỘP THUẾ	284	153	54%	98%
	Thuế TNDN 2%	283	152		
	Thuế môn bài	1	1		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.824	2.263	10%	97%
1	Chi từ nguồn ngân sách cấp	21.824	2.263	10%	97%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.178	2.263	17%	97%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chi tiền lương	6.278	1.170	19%	95%
	+ Lương, ngạch bậc	6.278	1.170		
	Phụ cấp lương (chi tiết từng loại phụ cấp)	3.562	639	18%	
	+ Phụ cấp chức vụ	105	20		
	+ Phụ cấp độc hại, nặng nhọc, nguy hiểm	3	0,5		
	+ Phụ cấp ưu đãi nghề	2.248	402		
	+ Phụ cấp trách nhiệm	2	0		
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung, Phụ cấp thâm niên nhà giáo	1.204	216		
	Các khoản đóng góp	1.856	436	23%	
	+ Bảo hiểm xã hội	1.354	247		
	+ Bảo hiểm y tế	267	42		
	+ KPCĐ	158	28		
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	77	14		
	Các khoản chi khác	190			
	- Tiền trợ cấp Tết	130	104		
	Chi khác (tiền tiết thực hành GV thẻ dực)	60			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, mua sắm, dịch vụ công cộng, công tác phí, thuê mướn, sửa chữa	1.292	18		
	Tiền điện	150	9	6%	
	Tiền nước	120			
	Tiền vệ sinh, môi trường	40	4		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	15			
	Thuê đào tạo cán bộ, học tập chuyên môn hè	67			
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	30			
	văn phòng phẩm	60			
	Chi mua hàng hóa, vật tư	50			
	Mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn	30			
	Chi Mua cây xanh, hoa kiểng, in bandron...	20			
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	10			
	Chi mua chương trình phần mềm ký sổ thuế, BHXH, kho bạc, kế toán, tài sản.)	5			
	Chi mua bảo hiểm cháy nổ, kiểm định chống sét	6			
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	12			
	Cước phí Internet, đường truyền mạng, cáp truyền hình	34			
	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	20	2		
	Chi các khoản khác	5			
	Khoản công tác phí	18	4		
	Thuê lao động trong nước	300			
	- Chi sửa chữa (chi tiết từng nội dung)				
	Sửa chữa nhà cửa, trang thiết bị văn phòng	50			
	Sửa chữa, bảo trì thiết bị tin học, phần mềm công nghệ	50			
	Sửa chữa, bảo trì hệ thống PCCC	50			
	Sửa chữa, bảo trì hệ thống điện, nước, cấp thoát nước	50			
	Sửa các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	100			
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.646	-	0	0%
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	23			
	Quỹ khen thưởng	617			
	Chi tăng thu nhập theo NQ03/2023/NQ-HĐND	8.006			
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0

Người lập



Phạm Thị Quyên

Ngày 10 tháng 04 năm 2025

TRƯỞNG HIỆU TRƯỞNG

TRẦN HƯNG ĐẠO

Lê Thanh Hương